

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY NHÔM ĐẮK NÔNG - TKV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /DNA-CĐVT

Đắk Nông, ngày tháng năm 2025

V/v: Mời báo giá vật tư phục vụ Sửa
chữa lớn bảo ôn các khu vực trong
nhà máy năm 2025

Kính gửi: Các nhà cung cấp

Công ty Nhôm Đắk Nông - TKV (DNA) trân trọng cảm ơn các nhà cung cấp đã quan tâm, phối hợp, hỗ trợ DNA trong thời gian vừa qua. Hiện nay, DNA đang triển khai kế hoạch Sửa chữa lớn bảo ôn các khu vực trong nhà máy năm 2025. DNA kính mời các nhà cung cấp có đủ năng lực, kinh nghiệm tham gia báo giá các vật tư phục vụ sửa chữa hạng mục nêu trên *(theo phụ lục đính kèm)*.

Quý nhà cung cấp quan tâm xin gửi báo giá về một trong hai địa chỉ sau đây trước ngày 25/04/2025.

- **Địa chỉ 1:** Phòng Cơ điện - Vận tải, Công ty Nhôm Đắk Nông - TKV, Thôn 11, Xã Nhân Cơ, Huyện Đắk R'lấp, Tỉnh Đắk Nông đối với bản giấy.

- **Địa chỉ 2:** Email: dnacdv@gmail.com đối với file điện tử.

Lưu ý: Các nhà cung cấp điền đầy đủ thông tin như **phụ lục 2** kèm theo và ký tên đóng dấu đầy đủ. Trường hợp nhà cung cấp gửi trực tiếp báo giá tại văn phòng của DNA vui lòng mang theo giấy giới thiệu, CCCD của người gửi để làm thủ tục giao nhận.

Nhà cung cấp muốn biết thêm chi tiết xin liên hệ Ông Phan Văn Thụy - Trưởng phòng Cơ điện - Vận tải theo sdt: 0986.420.905.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Website công ty (đăng tải);
- Lưu: VT, CĐVT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Trần Tiến Dũng

Phụ lục 1: Danh mục vật tư phục vụ Sửa chữa lớn bảo ôn các khu vực trong nhà máy năm 2025

STT	Tên vật tư	Quy cách/thông số kỹ thuật/danh điểm	Đối tượng/vị trí sử dụng	Đvt	Số lượng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Bông khoáng	50mm (Tỷ trọng $\geq 80\text{kg/m}^3$)	Sửa chữa lớn bảo ôn các khu vực trong nhà máy năm 2025	Kg	97	
2	Bông khoáng	60mm (Tỷ trọng $\geq 80\text{kg/m}^3$)		Kg	1.499	
3	Bông khoáng	70mm (Tỷ trọng $\geq 80\text{kg/m}^3$)		Kg	2.892	
4	Bông khoáng	80mm (Tỷ trọng $\geq 80\text{kg/m}^3$)		Kg	163	
5	Bông khoáng	90mm (Tỷ trọng $\geq 80\text{kg/m}^3$)		Kg	15.585	
6	Bông khoáng	100mm (Tỷ trọng $\geq 80\text{kg/m}^3$)		Kg	8.725	
7	Bông khoáng	105mm (Tỷ trọng $\geq 80\text{kg/m}^3$, 1 hoặc 2 lớp)		Kg	3.331	
8	Bông khoáng	110mm (Tỷ trọng $\geq 80\text{kg/m}^3$, 1 hoặc 2 lớp)		Kg	12.916	
9	Bông khoáng	120mm (Tỷ trọng $\geq 80\text{kg/m}^3$, 1 hoặc 2 lớp)		Kg	9.774	
10	Tôn phẳng	0,4mm, Vật liệu Inox 304		m ²	5.550	
11	Tôn sóng	0,4mm, Vật liệu Inox 304		m ²	2.500	
12	Lưới thép	10x10 sợi 0,5mm		m ²	8.013	
13	Dây thép	D1mm		Kg	300	
14	Que hàn	KT-421 3.2mm		Kg	700	
15	Vít	M4x20		Cái	112.200	

Phụ lục 2: Mẫu biểu báo giá

STT	Tên vật tư	Quy cách/thông số kỹ thuật/danh điểm	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Thời gian bảo hành	Thời gian, tiến độ cung cấp	Giấy tờ kèm theo	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1												
2												
3												
	Tổng cộng trước thuế:											
	Thuế GTGT:											
	Tổng cộng sau thuế:											
	Bằng chữ:.....											

Yêu cầu khác:

- Địa điểm giao hàng tại kho DNA;
- Thời gian hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 45 ngày.